**DANH MỤC SÁCH PHÁP LUẬT**

**PHÁT HÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

 *(Kèm theo Công văn số: 2195 /BTP-PBGDPL ngày 06/7/2021 của Bộ Tư pháp)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN SÁCH** | **TÁC GIẢ** |
| **SÁCH VĂN BẢN PHÁP LUẬT** |
| **I** | **Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật** |
| 1 | Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | Quốc hội |
| 2 | Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) | Quốc hội |
| 3 | Bộ luật Tố tụng hình sự (hiện hành) | Quốc hội |
| 4 | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiện hành) sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 5 | Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân | Quốc hội |
| 6 | Luật Biên phòng Việt Nam | Quốc hội |
| 7 | Luật Bình đẳng giới (hiện hành) | Quốc hội |
| 8 | Luật Bảo hiểm xã hội (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2015, 2018, 2019) | Quốc hội |
| 9 | Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước (hiện hành) | Quốc hội |
| 10 | Luật Bảo vệ môi trường  | Quốc hội |
| 11 | Luật Các tổ chức tín dụng (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2017) | Quốc hội |
| 12 | Luật Cán bộ, công chức (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) Luật Viên chức (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Nghị định của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức | Quốc hội |
| 13 | Luật Căn cước công dân (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 14 | Luật Cư trú | Quốc hội |
| 15 | Luật Doanh nghiệp (hiện hành)  | Quốc hội |
| 16 | Luật Đặc xá (hiện hành) | Quốc hội |
| 17 | Luật Đất đai (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2018) | Quốc hội |
| 18 | Luật Đê điều (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2008, 2020) | Quốc hội |
| 19 | Luật Đấu thầu (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2019, 2020) | Quốc hội |
| 20 | Luật Hôn nhân gia đình (hiện hành) | Quốc hội |
| 21 | Luật Hòa giải, đối thoại tại Toà án (hiện hành) | Quốc hội |
| 22 | Luật Hộ tịch (hiện hành) | Quốc hội |
| 23 | Luật Hộ tịch (hiện hành) và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | Quốc hội |
| 24 | Luật Khiếu nại (hiện hành) | Quốc hội |
| 25 | Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019) | Quốc hội |
| 26 | Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019) | Quốc hội |
| 27 | Luật Kinh doanh bất động sản (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 28 | Luật Luật sư (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2015) | Quốc hội |
| 29 | Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (hiện hành) | Quốc hội |
| 30 | Luật Ngân sách (hiện hành) | Quốc hội |
| 31 | Luật Nghĩa vụ quân sự (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) | Quốc hội |
| 32 | Luật Nhà ở (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020) | Quốc hội |
| 33 | Luật Phá sản (hiện hành) | Quốc hội |
| 34 | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (hiện hành) | Quốc hội |
| 35 | Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm nhiễm dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 36 | Luật Quốc tịch Việt Nam (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2014) | Quốc hội |
| 37 | Luật Sĩ quan quân đội nhân dânViệt Nam (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2008, 2014, 2019) | Quốc hội |
| 38 | Luật Sở hữu trí tuệ (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019) | Quốc hội |
| 39 | Luật Tiếp cận thông tin (hiện hành) | Quốc hội |
| 40 | Luật Tiếp công dân (hiện hành) | Quốc hội |
| 41 | Luật Thỏa thuận quốc tế | Quốc hội |
| 42 | Luật Thi hành án dân sự (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018) | Quốc hội |
| 43 | Luật Thi hành án hình sự (hiện hành) | Quốc hội |
| 44 | Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam (hiện hành)  | Quốc hội |
| 45 | Luật Thương mại (hiện hành) (sửa đổi năm 2017, 2019) (song ngữ Việt - Anh) | Quốc hội |
| 46 | Luật Tố cáo (hiện hành) (sửa đổi năm 2020) | Quốc hội |
| 47 | Luật Tổ chức Chính phủ (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) | Quốc hội |
| 48 | Luật Tổ chức chính quyền địa phương (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019) | Quốc hội |
| 49 | Luật Tổ chức Quốc hội (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 50 | Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (hiện hành) | Quốc hội |
| 51 | Luật Tố tụng hành chính (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) | Quốc hội |
| 52 | Luật Viên chức (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Nghị định của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập | Quốc hội |
| 53 | Luật Xây dựng (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2018, 2019, 2020) | Quốc hội |
| 54 | Luật Xử lý vi phạm hành chính (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 55 | Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng | Quốc hội |
| **II** | **Nhà xuất bản Tư pháp** |
| 1 | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 2 | Luật Bảo vệ môi trường | Quốc hội |
| 3 | Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biêu Hội đồng nhân dân | Quốc hội |
| 4 | Luật Biên phòng Việt Nam | Quốc hội |
| 5 | Luật Cán bộ, công chức và một số văn bản hướng dẫn thi hành | Quốc hội |
| 6 | Luật Căn cước công dân (hiện hành) | Quốc hội |
| 7 | Luật Cư trú | Quốc hội |
| 8 | Luật Đê điều (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 9 | Luật Doanh nghiệp (được thông qua ngày 17/6/2020) | Quốc hội |
| 10 | Luật Đầu tư (được thông qua ngày 17/6/2020) | Quốc hội |
| 11 | Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (được thông qua ngày 18/6/2020) | Quốc hội |
| 12 | Luật Giám định tư pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 13 | Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) | Quốc hội |
| 14 | Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành (tái bản lần thứ ba, có sửa đổi, bổ sung) | Ths Quách Dương |
| 15 | Luật Hôn nhân gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung) | Ths Quách Dương |
| 16 | Luật Kiểm toán nhà nước và một số văn bản hướng dẫn thi hành | Ths Quách Dương |
| 17 | Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Quốc hội |
| 18 | Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 19 | Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2019) | Quốc hội |
| 20 | Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 21 | Luật Thanh niên (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) | Quốc hội |
| 22 | Luật Thỏa thuận quốc tế | Quốc hội |
| 23 | Luật Xây dựng (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 24 | Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) | Quốc hội |
| 25 | Tìm hiểu Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biếu Hội đồng nhân dân | Ths Quách Dương |
| **III** | **Nhà xuất bản Giao thông vận tải** |
| 1 | Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông | Vũ Tươi |
| **SÁCH HỎI – ĐÁP/TÌNH HUỐNG/CÂU CHUYỆN PHÁP LUẬT** |
| **I** | **Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật** |
| 1 | 200 câu hỏi - đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 | Nguyễn Thị Tố Uyên |
| **II** | **Nhà xuất bản Tư pháp** |
| 1 | Hỏi đáp về Luật Tiếp cận thông tin (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung) | Bộ Tư pháp - Vụ Pháp luật hình sự - hành chính |
| **III** | **Nhà xuất bản Giao thông vận tải** |
| 1 | Hỏi và đáp về Luật Giao thông đường bộ (dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng A1) | Bộ Giao thông vận tải |
| 2 | Sổ tay Hỏi và đáp về Giao thông đường thủy nội địa (trong lĩnh vực quản lý nhà nước) | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam |
| **SÁCH BÌNH LUẬN/NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT** |
| **I** | **Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật** |
| 1 | Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 2 | Một số nghiên cứu hiện đại về Tòa án  | PGS.TS.Đỗ Minh Khôi, ThS. Huỳnh Thị Sinh Hiền, ThS. Phạm Thị Phương Thảo |
| 3 | Nghiên cứu và phân tích một số bản án dân sự  | Lê Thị Bích Chi (Chủ biên) |
| 4 | Những điều cần biết về ký kết và thực hiện hợp đồng dân sự  | PGS.TS. Vũ Thị Hồng Yến (Đồng chủ biên)  |
| 5 | Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam | PGS.TS.GVCC. Phan Trung Hiền (Chủ biên) |
| 6 | So sánh Luật Doanh nghiệp năm 2020 với Luật Doanh nghiệp năm 2014 | Luật sư Phạm Thanh Hữu |
| 7 | Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự | PGS.TS.Trịnh Tiến Việt |
| **II** | **Nhà xuất bản Tư pháp** |  |
| 1 | Án lệ Việt Nam phân tích và luận giải (Tập 1 - Từ án lệ số 01 đến án lệ số 43) | LS.TS. Lưu Tiến Dũng |
| 2 | Bảo đảm quyền con người trong hoạtđộng Tư pháp | PGS.TS Nguyễn Tất Viễn |
| 3 | Bảo vệ công lý trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay | TS. Trần Trí Dũng |
| 4 | Bình luận khoa học Bộ luật Lao động năm 2019 | PGS.TS. Nguyễn Hữu ChíTS. Nguyễn Văn Bình |
| 5 | Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0 | PGS.TS. Trịnh Tiến Việt |
| 6 | Định tội danh và quyết định hình phạt (tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung) | PGS.TS. Dương Tuyết Miên |
| 7 | Những điểm mới cơ bản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định chi tiết thi hành | Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật |
| 8 | Pháp luật về môi giới bất động sản ở Việt Nam (tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung) | PGS. TS Doãn Hồng Nhung |
| 9 | Xây dựng pháp luật ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn | TS. Dương Thị Tươi |
| **SÁCH HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN, HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP CƠ SỞ; PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP THEO TỪNG ĐỐI TƯỢNG** |
| **I** | **Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật** |
| 1 | Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 |  |
| 2 | Cẩm nang nghiệp vụ dành cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư (Trong lĩnh vực dân sự và tố tụng dân sự) | TS. Nguyễn Thanh Hải ThS. Châu Thanh Quyền (đồng chủ biên) |
| 3 | Kỹ năng hoạt động dành cho Luật sư trong vụ án hình sự | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) |
| 4 | Tổng quan về Luật Hình sự Việt Nam(tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho giảng viên, sinh viên, học viên ngành Luật) | PGS. TS. Trịnh Tiến Việt |
| **II** | **Nhà xuất bản Tư pháp** |
| 1 | Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam | Trường Đại học Luật Hà Nội |
| 2 | Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư (tái bản lần thứ nhất) | Học việnTư pháp |
| 3 | Giáo trình Kỹ năng mềm trong nghề luật (tái bản lần thứ nhất) | Học việnTư pháp |
| 4 | Giáo trình Kỹ năng cơ bản của Luật sư tham gia giải quyết các vụ việc dân sự (tái bản lần thứ ba) | Học việnTư pháp |
| 5 | Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của Luật sư trong giải quyết các vụ án dân sự (tái bản lần thứ tư) | Học việnTư pháp |
| 6 | Giáo trình Kỹ năng của Luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự (phần đào tạo bắt buộc) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 7 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết các vụ án hình sự (phần đào tạo tự chọn) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 8 | Giáo trình Kỹ năng của Luật sư khi tham gia giải quyết các vụ án hình sự (phần đào tạo tự chọn) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 9 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ án hành chính (Tập 1 - Phần cơ bản) (tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung) | Học việnTư pháp |
| 10 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ án hành chính (Tập 2 - Phần chuyên sâu) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 11 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ án hình sự (Tập 1 - Phần cơ bản) (tái bản lần thứ ba) | Học việnTư pháp |
| 12 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ, việc dân sự (Tập 1 - Phần cơ bản) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 13 | Giáo trình Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giải quyết vụ, việc dân sự (Tập 2 - Phần chuyên sâu) (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 14 | Giáo trình Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ việc hành chính (tái bản lần thứ ba) | Học việnTư pháp |
| 15 | Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp (Phần chuyên sâu) (tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung) | Học việnTư pháp |
| 16 | Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài tòa án của Luật sư (tái bản lần thứ hai) | Học việnTư pháp |
| 17 | Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật (tái bản lần thứ năm, có sửa đổi, bổ sung) | Trường Đại học Luật Hà Nội |
| 18 | Hộ tịch cẩm nang nghiệp vụ | TS. Nguyễn Công Khanh |
| 19 | Một số vụ việc điển hình trong công tác hòa giải ở cở sở | Vụ Phổ biến, giáo dục, pháp luật - Bộ Tư pháp |
| 20 | Sổ tay hướng dẫn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung) | Bộ Tư pháp - Vụ Pháp luật hình sự - hành chính |
| 21 | Sổ tay hướng dẫn việc cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước | Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp |
| **II** | **Nhà xuất bản Giao thông vận tải** |
| 1 | Giáo trình pháp luật Giao thông đường bộ (dùng cho các lớp đào tạo lái xe ô tô) | Tổng cục Đường bộ Việt Nam |
| 2 | Tài liệu học tập Luật Giao thông đường bộ (dùng cho đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ) | Bộ Giao thông vận tải |
| **CÁC SÁCH KHÁC CÓ NỘI DUNG PHÁP LUẬT** |
| **I** | **Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật** |
| 1 | 9 biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng (Quy định, thực tế và thiết kế giao dịch theo Bộ luật dân sự (hiện hành) (tái bản, có sửa chửa, bổ sung) | Luật sư Trương Thanh Đức (Trọng tài viên VIAC) |
| 2 | Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 |   |
| 3 | Chỉ dẫn tra cứu, áp dụng pháp luật về Tố cáo | Nguyễn Anh Đức |